

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3 - 4
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	5 - 12
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	13
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 15
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	23 - 59

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 2 năm 2013; Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Quyết định số 398/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.957.482,26 chứng chỉ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ tương đương 99.574.822.600 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, quy mô vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 73.944.472.900 đồng. Trong sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 16.842.134,08 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 241.460.555.064 đồng và mua lại 2.606.985,24 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 37.233.934.777 đồng. Quy mô vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 216.295.961.300 đồng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2009.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Sáu. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ VFMVFB là hàng tuần vào ngày thứ Sáu.

Mục tiêu chính của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Chiến lược đầu tư của Quỹ là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty Quản lý Quỹ phát triển.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Theo quyết định số 398/QĐ-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Quỹ đã được UBCKNN chấp thuận để Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Standard Chartered") là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư. Nhiệm vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và cho tới thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và cho tới thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ là Ông Trần Thanh Tân - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam - Công ty Quản lý Quỹ.

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

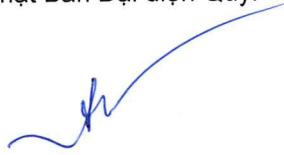
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 221,27 (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo, Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư cho quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty Quản lý quỹ VFM phát triển.

4. Phân loại Quỹ: Quỹ công chúng dạng mở

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Không có

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ: Ngày 10/06/2013

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo (Tại ngày 30/06/2017):

Tổng giá trị tài sản ròng: 320.588.862.096 Việt Nam đồng

Số lượng chứng chỉ quỹ: 21.629.596,13 chứng chỉ quỹ

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Không có chỉ số tham chiếu

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Có thể phân phối lợi nhuận hàng năm

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ: không có

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo)

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2017 (%)	30/06/2016 (%)	30/06/2015 (%)
Danh mục trái phiếu	49,57	66,80	56,00
Tài sản khác	50,43	33,20	44,00
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo)

Chỉ tiêu	30/06/2017	30/06/2016	30/06/2015
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	320.588.862.096	99.789.098.733	94.486.493.167
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21.629.596,13	7.628.449,70	7.747.370,72
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ)	14.821,76	13.081,17	12.195,94
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.821,76	13.104,31	12.205,18
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	13.103,95	12.622,81	10.799,08
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	320,40%	7,24%	11,84%
Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	338,51%	0,86%	-2,35%
Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-18,11%	6,38%	14,19%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
Ngày chốt quyền	Không có	Không có	Không có
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,40%	1,80%	1,91%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	2,50	3,68	3,45

Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	13,21%	7,26%
3 năm	37,10%	11,09%
Từ khi thành lập	48,21%	10,18%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu	Không có chỉ số tham chiếu

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	30/06/2017 (%)	30/06/2016 (%)	30/06/2015 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	13,31	7,30	12,80

Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 30/06 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 30/06 hàng năm.

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Thị trường sơ cấp:

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã tổ chức 16 phiên đấu thầu trong tháng 6, huy động được 22.348 tỷ đồng trái phiếu, tăng 2,44% so với tháng 5. Tỷ lệ trúng thầu so với giá trị gọi thầu đạt 90,11%, cao nhất kể từ tháng 11 năm 2016 đến nay. Trong đó, xét về cơ cấu kỳ hạn trái phiếu kỳ hạn trúng thầu, trái phiếu 5 năm và 7 năm chiếm tỷ trọng cao nhất, lần lượt là 23,5% và 19,2%. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 20 năm chiếm tỷ trọng thấp nhất, đạt lần lượt 13,1% và 10,8%. Đáng chú ý là trái phiếu kỳ hạn 15 năm là kỳ hạn duy nhất huy động được thành công 100% khối lượng gọi thầu.

Lợi suất trúng thầu giảm mạnh trên tất cả các kỳ hạn. Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm giảm 0,15%/năm, 7 năm giảm 0,14%/năm, 10 năm giảm 0,26%/năm, 15 năm giảm 0,34%/năm, 20 năm giảm 0,33%/năm, 30 năm giảm 0,45%/năm. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 5 năm đã quay trở lại mức thấp nhất trong 3 năm qua và giữ ở mức 4,90% trong 3 phiên gần nhất. Mức 4,90% cho kỳ hạn 5 năm được coi là mức cân tâm lý rất mạnh đối với nhà đầu tư bởi vì kỳ hạn này tiệm cận với chi phí vốn của các ngân hàng và trở nên kém hấp dẫn so với các kỳ hạn dài hơn.

Trong nửa đầu năm 2017, Kho bạc Nhà nước huy động được 125.746 tỷ đồng, đạt 68,6% kế hoạch cả năm. Mặc dù khối lượng huy động được trong 6 tháng đầu năm 2017 thấp hơn đáng kể 6 tháng đầu năm 2016 (187.726 tỷ đồng), nhưng năm 2017 kỳ hạn phát hành đã có sự chuyển dịch đáng kể từ kỳ hạn ngắn sang các kỳ hạn dài. Các kỳ hạn dài 10 năm, 20 năm và 30 năm xuất sắc hoàn thành lần lượt 229%, 152% và 165% kế hoạch cả năm. Nhờ vậy, Bộ tài chính đã nâng kỳ hạn bình quân của cả danh mục TPCP từ 5,98 năm của năm 2016 lên mức 6,75 năm và giảm lãi suất phát hành bình quân từ 6,49% xuống còn 6,29%.

Trong tháng 6, HNX không tổ chức huy động trái phiếu Chính phủ bảo lãnh do đã phát hành hết hạn mức của nửa đầu năm 2017. Tính chung trong 6 tháng, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đã được phát hành khá thành công. Ngân hàng Chính sách xã hội đã huy động được 6.220 tỷ đồng, đạt 67,24% kế hoạch và Ngân hàng Phát triển Việt Nam huy động được 11.400 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch năm. Dự kiến Ngân hàng Phát triển Việt Nam sẽ tổ chức phát hành lại vào quý IV, thời điểm trái phiếu đáo hạn tập trung nhiều.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường thứ cấp

Thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp sôi động trở lại, khối lượng giao dịch trái phiếu trong tháng 6 theo phương thức giao dịch thông thường đạt 103.741 tỷ đồng, tăng 27,40% về giá trị so với tháng 5. Giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày đạt 4.940 tỷ đồng, tăng 39,54% so với tháng trước. Đây có thể coi là tháng có giá trị giao dịch bùng nổ, khối lượng giao dịch đạt mức cao nhất kể từ đầu năm. Giao dịch trái phiếu tập trung mạnh vào các kỳ hạn ngắn dưới 5 năm, chiếm 70,71% tổng khối lượng giao dịch. Trong đó kỳ hạn dưới 3 năm chiếm 34,73% và kỳ hạn từ 3 năm đến 5 năm chiếm 35,97% tổng khối lượng trong tháng. Nhà đầu tư nước ngoài trong tháng đã mua vào 982 tỷ đồng trái phiếu, nâng tổng lượng mua ròng trong 6 tháng đầu năm lên mức 13.318 tỷ đồng, cao nhất từ năm 2010.

Tình hình vĩ mô của Việt Nam ngày càng ổn định, thanh khoản của hệ thống ngân hàng ngày càng được củng cố nhờ vào lượng tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại, đã giúp các nhà đầu tư đầu tư mạnh tay trên thị trường trái phiếu Chính phủ thứ cấp. Lợi suất trái phiếu giảm mạnh và nhanh chóng, biên độ lợi suất trong ngày lên đến 15 bps đặc biệt là các kỳ hạn dài khiến cho các kỳ hạn này trở nên cạnh tranh hơn. Chi phí giao dịch cho các kỳ hạn dài trở nên cao hơn bởi vì chi phí tìm đối tác giao dịch và chi phí thanh khoản ngày càng tăng cao. Lợi suất trái phiếu được dự báo là sẽ tiếp tục có xu hướng giảm ở các kỳ hạn dài trên 10 năm, trong khi các kỳ hạn ngắn dưới 7 năm sẽ còn phải chờ thêm tín hiệu từ lãi suất liên ngân hàng cũng như tình hình tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-18,11	-18,25	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	338,51	95,74	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	320,40	77,48	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	13,31	37,25	48,22
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

- ▶ Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;
- ▶ Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.
- ▶ Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán. Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng.
- ▶ Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.
- ▶ Thay đổi giá trị tài sản ròng.

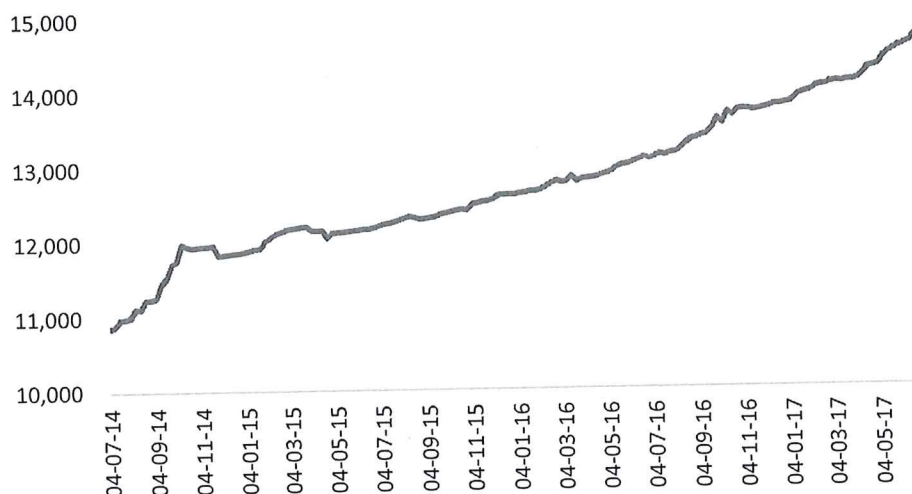
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1 Số liếp theo liếp chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biến động NAV/CCQ quỹ VFB giai đoạn 3 năm tới
 ngày 30/6/2017



Chỉ tiêu	30/06/2017	30/06/2016	Tỷ lệ thay đổi
A	(1)	(2)	$3 = ((1) - (2)) / (2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	320.588.862.096	99.789.098.733	221,27%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.821,76	13.081,17	13,31%

Trong giai đoạn 30/06/2016 - 30/06/2017, quỹ VFMVFB có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng trưởng 13,31% chủ yếu do lợi nhuận từ việc tăng giá các tài sản đang nắm giữ và lãi suất từ các khoản đầu tư. Tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tăng trưởng 221,27%, cao hơn tăng trưởng của NAV/chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư thực hiện mua ròng chứng chỉ quỹ VFMVFB khiến tài sản quỹ tăng trưởng so với đầu kỳ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
A	1	2	3
Dưới 5000	52	64.354,33	0,30
Từ 5000 - 10.000	10	68.982,06	0,32
Từ 10.000 đến 50.000	18	378.541,07	1,74
Từ 50.000 đến 500.000	24	3.786.401,72	17,51
Trên 500.000	5	17.331.316,95	80,13
Tổng cộng	109	21.629.596,13	100,00

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngậm và giảm giá: không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Quý 3/2017 được dự báo tiếp tục là quý có sự ổn định về kinh tế vĩ mô. Không có các biến động mạnh về lãi suất và lạm phát, hai mục tiêu được Ngân hàng Nhà nước (SBV) kiểm soát chặt chẽ thông qua các chính sách tiền tệ. Ngân hàng nhà nước sẽ tiếp tục áp dụng các chính sách quản lý tiền tệ như đã áp dụng trong 6 tháng đầu năm và sẽ có các chính sách về lãi suất và tín dụng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Các biến động lợi suất trái phiếu theo xu hướng giảm với các kỳ hạn khi lãi thanh khoản thị trường liên ngân hàng tiếp tục dồi dào và nhu cầu đầu tư trái phiếu chính phủ tiếp tục gia tăng từ khối ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bảo hiểm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ bao gồm:

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ VFB	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
Ban đại diện Quỹ	Nguyễn Bội Hồng Lê	Chủ tịch	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí - Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam
	Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Cử nhân Kế toán – Kiểm toán	- Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS - Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín
	Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên	Luật Sư	- Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ	Trần Thanh Tân	Tổng Giám đốc	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Lương Thị Mỹ Hạnh	Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu	Thạc sỹ Kinh tế	- Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Nguyễn Minh Đăng Khánh	Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính	Thạc sỹ Tài chính – kinh tế	- Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Trần Lê Minh	Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội	Thạc sỹ Quản trị Tài chính	- Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
	Trần Văn Hiếu	Phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	- Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam - Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án công ty Generali Việt Nam - Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam - Từ 2016 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam


 Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 10th tháng 08 năm 2017.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát

Số tham chiếu: 61070172/19430313-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam (“Quỹ”) được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 16 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

kh

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samah Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
01	I. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư		15.485.524.596	4.530.293.359
03	1. Tiền lãi được nhận	11	6.705.832.815	3.882.121.340
04	2. Lãi bán các khoản đầu tư	12	1.360.445.206	51.459.690
05	3. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	13	7.419.246.575	596.712.329
10	II. Chi phí đầu tư	14	66.035.625	148.873.377
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		66.035.625	79.407.475
13	2. Chi phí lãi vay		-	69.465.902
20	III. Chi phí hoạt động Quỹ mở		1.241.918.492	874.006.779
20.1	1. Phí quản lý Quỹ	21.1	791.537.757	434.017.981
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ		91.843.333	91.406.666
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát	21.2	99.000.000	99.000.000
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	21.2	66.000.000	66.000.000
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	21.2	39.600.000	51.218.877
20.7	6. Chi phí họp, Đại hội Quỹ		3.000.129	3.610.153
20.8	7. Chi phí kiểm toán		48.547.666	40.477.602
20.10	8. Chi phí hoạt động khác	15	102.389.607	88.275.500
23	IV. Kết quả hoạt động đầu tư		14.177.570.479	3.507.413.203
24	V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác		-	-
30	VI. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.177.570.479	3.507.413.203
31	1. Lợi nhuận đã thực hiện	10	6.758.323.904	2.910.700.874
32	2. Lãi chưa thực hiện	10	7.419.246.575	596.712.329
40	VII. Chi phí thuế TNDN		-	-
41	VIII. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		14.177.570.479	3.507.413.203

Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
100	A. TÀI SẢN			
110	I. Tiền và tương đương tiền	4	55.337.921.082	75.523.833.444
111	1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		25.837.921.082	823.833.444
112	2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		29.500.000.000	74.700.000.000
120	II. Các khoản đầu tư thuần		262.848.569.563	26.000.000.000
121	1. Các khoản đầu tư	5	262.848.569.563	26.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu	6	5.982.951.330	971.947.221
133	1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		5.982.951.330	971.947.221
136	1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		5.982.951.330	971.947.221
100	TỔNG TÀI SẢN		324.169.441.975	102.495.780.665
300	B. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		418.520.349	3.516.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		113.916	614.955
316	3. Chi phí phải trả	7	136.102.530	106.179.300
317	4. Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.590.050.000	-
318	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		102.772.217	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	8	306.220.770	186.198.280
320	7. Phải trả, phải nộp khác		26.800.097	14.600.800
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		3.580.579.879	311.109.335
400	C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (C=A-B)		320.588.862.096	102.184.671.330
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	9	216.295.961.300	73.944.472.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		320.854.330.500	152.432.989.700
413	1.2 Vốn góp mua lại		(104.558.369.200)	(78.488.516.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	9	62.108.753.674	233.621.787
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	10	42.184.147.122	28.006.576.643
430	D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	9	14.821,76	13.819,10

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

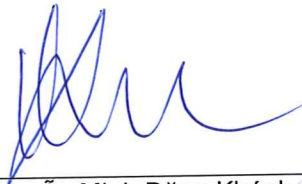
B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	9, 17	21.629.596,13	7.394.447,29



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
I	Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu kỳ	102.184.671.330	95.325.926.014
II	Thay đổi NAV trong kỳ	14.177.570.479	3.507.413.203
1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	14.177.570.479	3.507.413.203
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	204.226.620.287	955.759.516
1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	241.460.555.064	3.494.765.379
2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(37.233.934.777)	(2.539.005.863)
IV	Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cuối kỳ	320.588.862.096	99.789.098.733



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
I	Trái phiếu	1.500.000	160.680.500.000	160.680.500.000	49,57%
1	TD1747410	500.000	54.217.000.000	54.217.000.000	
2	TD1737407	500.000	53.313.500.000	53.313.500.000	
3	TD1747411	500.000	53.150.000.000	53.150.000.000	
II	Chứng chỉ tiền gửi	102	102.168.069.563	102.168.069.563	31,52%
1	Chứng chỉ tiền gửi Công ty TNHH Home Credit VN	40	40.168.069.563	40.168.069.563	
2	Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	36	36.000.000.000	36.000.000.000	
3	Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH HD Saison	26	26.000.000.000	26.000.000.000	
III	Các tài sản khác		5.982.951.330	5.982.951.330	1,84%
1	Phải thu lãi đầu tư trái phiếu		3.008.904.109	3.008.904.109	
2	Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi		2.910.749.999	2.910.749.999	
3	Phải thu lãi tiền gửi		63.297.222	63.297.222	
IV	Tiền và tương đương tiền		55.337.921.082	55.337.921.082	17,07%
1	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		29.500.000.000	29.500.000.000	
2	Tiền gửi ngân hàng		25.837.921.082	25.837.921.082	
V	Tổng giá trị danh mục		324.169.441.975	324.169.441.975	100,00%


 Bà Vương Thị Trâm Anh
 Kế toán Quỹ


 Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Tài chính


 Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.177.570.479	3.507.413.203
	<i>Điều chỉnh cho các khoản tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư:</i>			
03	1.1 Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	13	(7.419.246.575)	(596.712.329)
04	1.2 Chi phí trích trước		24.122.381	25.598.650
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		6.782.446.285	2.936.299.524
06	Tăng các khoản đầu tư		(229.429.322.988)	(54.454.787.671)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(5.011.004.109)	212.898.600
08	Giảm các khoản phải thu khác		-	1.419.354
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		415.004.349	1.460.263
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(501.039)	158.744
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.590.050.000	-
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		102.772.217	39.273.617
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		18.000.146	49.847.475.407
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		120.022.490	115.412
19	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(224.412.532.649)	(1.415.686.750)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	9	204.226.620.287	955.759.516
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	9	241.460.555.064	3.494.765.379
			(37.233.934.777)	(2.539.005.863)
30	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		204.226.620.287	955.759.516
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(20.185.912.362)	(459.927.234)
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		75.523.833.444	8.749.866.110

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

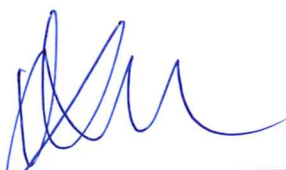
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	55.337.921.082	8.289.938.876
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		52.747.871.082	8.289.938.876
	+ Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		23.247.871.082	789.938.876
	+ Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		29.500.000.000	7.500.000.000
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		2.590.050.000	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(20.185.912.362)	(459.927.234)



Bà Vương Thị Trâm Anh
 Kế toán Quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 27 tháng 2 năm 2013; Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 04/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Quyết định số 398/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 7 tháng 5 năm 2015 về việc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đại chúng. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 8 tháng 1 năm 2009.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng giám sát và lưu ký

Theo quyết định số 398/QĐ-UBCK ngày 7 tháng 5 năm 2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ("UBCKNN"), Quỹ đã được UBCKNN chấp thuận để Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư. Chức năng của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký bao gồm bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 9.957.482,26 chứng chỉ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ tương đương 99.574.822.600 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, quy mô vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 73.944.472.900 đồng. Trong sáu tháng đầu năm 2017, Quỹ có thực hiện phát hành thêm 16.842.134,08 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 241.460.555.064 đồng và mua lại 2.606.985,24 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 37.233.934.777 đồng. Quy mô vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 216.295.961.300 đồng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định.

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVFB là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư với mục tiêu đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ sáu. Trong trường hợp hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ là hàng tuần vào ngày thứ Sáu. Nếu ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Trong trường hợp ngày giao dịch kế tiếp này cũng rơi vào ngày nghỉ Lễ, thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch đầu tiên bị rơi vào ngày nghỉ Lễ.

Hạn chế đầu tư

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm: giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Không được đầu tư vào các Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- g. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g được nêu trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;
- e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; và
- f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh số 3.2*).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, những báo cáo này không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3.2 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế vào ngày giao dịch. Giá mua các khoản đầu tư không bao gồm các chi phí mua các khoản đầu tư. Chi phí mua các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư của báo cáo thu nhập ngay khi phát sinh.

Các khoản đầu tư được đánh giá lại tại kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc cuối kỳ kế toán theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 183, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và quy định tại Điều lệ Quỹ. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở. Phương pháp định giá như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch), theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. - Trường hợp Quỹ đấu thầu thành công trái phiếu, thì trong thời gian chờ niêm yết bổ sung, trái phiếu này sẽ được định giá dựa trên lãi suất trúng thầu gần nhất.
6.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; + Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện ("BĐD") Quỹ phê duyệt; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BĐD quỹ chấp thuận (được chi tiết trong Sổ tay Định giá); + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	<ul style="list-style-type: none"> - Giá bình quân của 3 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BĐD Quỹ phê duyệt được chấp nhận. - Hoặc trong trường hợp không có giao dịch, giá xác định theo phương pháp đã được BĐD quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được BĐD quỹ chấp thuận. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, thì dùng Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được BĐD quỹ chấp thuận. - Trong thời gian chứng khoán ở sàn UpCom làm thủ tục chuyển lên niêm yết thì dùng giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn UpCom trước ngày định giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 2 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được BDD Quý phê duyệt; + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được BDD quý chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Mệnh giá; + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quý chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; + Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quý chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
15.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	<p>Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.</p> <p>Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở; + Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán; <p>Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.</p>
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được quy định của pháp luật cho phép.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh,...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

3.3 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

3.4 Các hợp đồng bán và mua lại

Những chứng khoán được bán và chuyển giao quyền sở hữu cho một bên khác đồng thời được cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu vào một thời điểm nhất định trong tương lai với một mức giá xác định vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Quyền hưởng lãi và các thu nhập liên quan (nếu có) từ các chứng khoán này thuộc về bên bán.

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.5.1 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ Quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc nợ dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí đầu tư của Quỹ được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Phí quản lý quỹ

Phí quản lý là 0,9% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm tài chính. Phí này được trả cho Công ty quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ. Tỷ lệ phí quản lý 0,9% sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,9% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

Phí lưu ký và giám sát

Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Loại phí	Mức phí (NAV/năm)	Mức phí tối thiểu hàng tháng (VND/tháng)
Phí giám sát	0,04%	15.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là 01 lần/tuần) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)
		17.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày) chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)
Phí lưu ký	0,04%	15.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là 01 lần/tuần)
		18.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày)

Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Phí dịch vụ quản trị quỹ được chi trả hàng tháng, với mức phí cụ thể như sau:

Mức phí (NAV/năm)	Mức phí tối thiểu hàng tháng (VND/tháng)
0,03%	10.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là 01 lần/tuần)
	15.000.000 (nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

Phí dịch vụ quản trị Quỹ (tiếp theo)

Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức phí do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Phí đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng là 10 triệu đồng/ tháng được tính phân bổ cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Phí giao dịch mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản là 0,01% tính trên giá trị giao dịch mua mới, mua lại, chuyển đổi, miễn phí cho 400 giao dịch đầu tiên/tháng. Phí thực hiện quyền là 1.000.000 đồng/1 lần cung cấp danh sách thực hiện quyền. Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng không quá 0,03% NAV/năm. Tổng phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 96 triệu đồng/năm (8 triệu đồng/tháng). Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu này.

Phí đại lý chuyển nhượng sẽ được tính lại vào cuối năm dựa vào NAV bình quân của năm và sẽ được điều chỉnh vào tháng đầu tiên của năm sau (nếu có). Mức phí, phương pháp và thời hạn thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của bộ tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

► *Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

► *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

► *Các khoản cho vay và phải thu:*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

▶ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

▶ *Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:*

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

▶ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	29.500.000.000	74.700.000.000
<i>Bao gồm:</i>		
- Ngân hàng TMCP Á Châu	18.500.000.000	19.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Bắc Á	10.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	1.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	-	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	-	15.000.000.000
Tiền gửi tại ngân hàng giám sát và lưu ký cho hoạt động của Quỹ	25.837.921.082	823.833.444
	<u>55.337.921.082</u>	<u>75.523.833.444</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch do đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	[5]=[1]+[3]+[4]	
	[1]	[2]	[3]	[4]		
Ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Trái phiếu niêm yết	153.261.253.425	160.680.500.000	7.792.006.849	(372.760.274)	160.680.500.000	
Chứng chỉ tiền gửi	102.168.069.563	102.168.069.563	-	-	102.168.069.563	
	255.429.322.988	262.848.569.563	7.792.006.849	(372.760.274)	262.848.569.563	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Chứng chỉ tiền gửi	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-	26.000.000.000	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Lãi suất	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Trái phiếu Chính phủ TD1747410	500.000	49.994.493.151	54.217.000.000	7,90%	16/03/2017	16/03/2047
Trái phiếu Chính phủ TD1737407	500.000	49.744.000.000	53.313.500.000	7,40%	30/03/2017	30/03/2037
Trái phiếu Chính phủ TD1747411	500.000	53.522.760.274	53.150.000.000	7,80%	07/04/2017	07/04/2047
Chứng chỉ tiền gửi Công ty TNHH Home Credit VN	30	30.168.069.563	30.168.069.563	9,50%	10/10/2016	10/10/2017
Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH HD Saison	20	20.000.000.000	20.000.000.000	10,50%	25/04/2017	25/11/2018
Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	18	18.000.000.000	18.000.000.000	10,25%	31/03/2017	02/05/2018
Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	18	18.000.000.000	18.000.000.000	11,00%	10/02/2017	10/08/2018
Chứng chỉ tiền gửi Công ty TNHH Home Credit VN	10	10.000.000.000	10.000.000.000	11,00%	19/09/2016	19/09/2019
Chứng chỉ tiền gửi Công ty tài chính TNHH HD Saison	6	6.000.000.000	6.000.000.000	11,50%	11/07/2016	11/07/2018
		255.429.322.988	262.848.569.563			

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		
Dự thu tiền lãi từ đầu tư trái phiếu	3.008.904.109	-
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	2.910.749.999	949.638.888
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	63.297.222	22.308.333
	5.982.951.330	971.947.221

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả chi phí kiểm toán	48.547.666	48.950.000
Phải trả chi phí báo cáo thường niên	42.504.589	33.179.300
Phải trả phí môi giới trái phiếu	22.537.125	-
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	13.463.021	18.000.000
Phải trả chi phí họp, đại hội Quỹ	9.050.129	6.050.000
	136.102.530	106.179.300

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	197.620.770	77.698.280
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	66.000.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	15.000.000	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	11.000.000	11.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	100.000	-
	306.220.770	186.198.280

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	15.243.298,97	16.842.134,08	32.085.433,05
Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	152.432.989.700	168.421.340.800	320.854.330.500
Thặng dư vốn (VND)	6.777.926.314	73.039.214.264	79.817.140.578
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	159.210.916.014	241.460.555.064	400.671.471.078
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(7.848.851,68)	(2.606.985,24)	(10.455.836,92)
Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	(78.488.516.800)	(26.069.852.400)	(104.558.369.200)
Thặng dư vốn (VND)	(6.544.304.527)	(11.164.082.377)	(17.708.386.904)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	(85.032.821.327)	(37.233.934.777)	(122.266.756.104)
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	7.394.447,29	14.235.148,84	21.629.596,13
Giá trị vốn góp hiện hành (VND)	74.178.094.687	204.226.620.287	278.404.714.974
Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	28.006.576.643	14.177.570.479	42.184.147.122
NAV hiện hành (VND)	102.184.671.330		320.588.862.096
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	13.819,10		14.821,76

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	28.006.576.643	19.044.496.772
Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ	6.758.323.904	2.910.700.874
Lãi chưa thực hiện trong kỳ	7.419.246.575	596.712.329
	42.184.147.122	22.551.909.975

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

11. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Tiền lãi được nhận trong kỳ	1.895.044.727	1.627.461.142
Tiền lãi từ trái phiếu phát sinh trong kỳ đã nhận	912.054.794	788.677.296
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi phát sinh trong kỳ đã nhận	616.361.112	679.555.553
Tiền lãi từ tiền gửi tại ngân hàng phát sinh trong kỳ đã nhận	366.628.821	159.228.295
Tiền lãi dự thu đến cuối kỳ	4.810.788.088	2.254.660.198
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	2.712.833.332	1.444.111.111
Tiền lãi từ trái phiếu	2.034.657.534	782.465.753
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	63.297.222	28.083.334
	6.705.832.815	3.882.121.340

12. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>			
<i>Tổng giá trị bán VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán sáu tháng năm 2017 VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán sáu tháng năm 2016 VND</i>
Trái phiếu niêm yết	103.323.431.507	101.962.986.301	1.360.445.206
			51.459.690

13. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại đã ghi nhận kỳ trước VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong kỳ này VND</i>
Trái phiếu niêm yết	153.261.253.425	160.680.500.000	7.419.246.575	-	7.419.246.575
Chứng chỉ tiền gửi	102.168.069.563	102.168.069.563	-	-	-
	255.429.322.988	262.848.569.563	7.419.246.575	-	7.419.246.575

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. CHI PHÍ ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	66.035.625	79.407.475
- Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	44.207.925	37.853.275
- Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	21.827.700	41.554.200
Chi phí lãi vay	-	69.465.902
	66.035.625	148.873.377
14.1 Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư		
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Trái phiếu	44.207.925	37.853.275
14.2 Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư		
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Trái phiếu	21.327.700	30.583.800
Phí dịch vụ thanh toán bù trừ	500.000	1.000.000
Các hợp đồng bán và cam kết mua lại	-	9.970.400
	21.827.700	41.554.200

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường	
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND			Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)	(7)	(8)
1	Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Có liên quan	150.247.500.000	365.240.000.000	41,14%	0,02%-0,03%	
2	Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	109.542.500.000	365.240.000.000	29,99%	0,02%-0,03%	
3	Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Không liên quan	54.345.500.000	365.240.000.000	14,88%	0,02%-0,03%	
4	Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	51.104.500.000	365.240.000.000	13,99%	0,02%-0,03%	
Tổng			365.240.000.000		100,00%		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Thù lao ban đại diện quỹ (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	57.963.021	58.475.407
Phí ngân hàng (<i>Thuyết minh số 21.2</i>)	15.774.000	8.652.600
Chi phí báo cáo thường niên Quỹ	16.453.289	8.314.307
Chi phí công tác, họp của Ban đại diện	7.240.389	7.260.504
Chi phí quản lý thường niên	4.958.908	4.972.682
Khác	-	600.000
	102.389.607	88.275.500

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCQ NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ cuối/Tháng 12	102.184.671.330	7.394.447,29	13.819,10
Kỳ 1/Tháng 1	102.209.730.045	7.394.447,29	13.822,49
Kỳ 2/Tháng 1	102.655.578.075	7.394.447,29	13.882,79
Kỳ 3/Tháng 1	103.162.710.970	7.399.480,72	13.941,88
Kỳ 4/Tháng 1	103.311.767.924	7.397.380,72	13.965,99
Kỳ cuối/Tháng 1	103.385.012.001	7.397.380,72	13.975,89
Kỳ 1/Tháng 2	103.415.085.439	7.397.380,72	13.979,95
Kỳ 2/Tháng 2	103.767.184.694	7.394.380,72	14.033,24
Kỳ 3/Tháng 2	104.389.416.189	7.429.743,18	14.050,20
Kỳ 4/Tháng 2	104.423.466.282	7.429.822,64	14.054,63
Kỳ cuối/Tháng 2	104.950.383.759	7.446.855,90	14.093,24
Kỳ 1/Tháng 3	104.907.051.769	7.446.855,90	14.087,42
Kỳ 2/Tháng 3	105.064.508.145	7.448.901,19	14.104,69
Kỳ 3/Tháng 3	105.010.151.055	7.449.393,71	14.096,46
Kỳ 4/Tháng 3	118.214.115.940	8.376.426,79	14.112,71
Kỳ 5/Tháng 3	232.999.510.343	16.504.703,28	14.117,15
Kỳ cuối/Tháng 3	231.951.624.700	16.437.666,22	14.110,98
Kỳ 1/Tháng 4	232.376.022.529	16.437.666,22	14.136,80
Kỳ 2/Tháng 4	243.344.253.916	17.136.666,58	14.200,20
Kỳ 3/Tháng 4	244.805.206.250	17.138.249,38	14.284,14
Kỳ 4/Tháng 4	214.039.883.060	14.965.725,33	14.302,00
Kỳ cuối/Tháng 4	214.042.708.502	14.958.073,33	14.309,51
Kỳ 1/Tháng 5	214.338.199.505	14.958.073,33	14.329,26
Kỳ 2/Tháng 5	212.895.445.124	14.744.512,53	14.438,96
Kỳ 3/Tháng 5	213.607.366.138	14.746.192,67	14.485,59
Kỳ 4/Tháng 5	214.755.909.502	14.780.239,00	14.529,93
Kỳ cuối/Tháng 5	216.881.663.759	14.884.415,32	14.571,05

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ
	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 1/Tháng 6	216.704.129.828	14.884.415,32	14.559,12	(11,93)	
Kỳ 2/Tháng 6	220.597.822.282	15.111.089,48	14.598,40	39,28	
Kỳ 3/Tháng 6	259.635.566.263	17.748.949,85	14.628,22	29,82	
Kỳ 4/Tháng 6	289.953.828.438	19.690.991,07	14.725,20	96,98	
Kỳ 5/Tháng 6	297.776.032.971	20.109.653,59	14.807,61	82,41	
Kỳ cuối/Tháng 6	320.588.862.096	21.629.596,13	14.821,76	14,15	

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

177.317.732.742

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất

109,70

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất

3,39

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ	Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ
	VND		tại ngày tính NAV	
Kỳ cuối/Tháng 12	95.325.926.014	7.555.676,11	12.616,46	6,35
Kỳ 1/Tháng 1	95.373.891.380	7.555.676,11	12.622,81	8,38
Kỳ 2/Tháng 1	95.437.223.153	7.555.676,11	12.631,19	4,18
Kỳ 3/Tháng 1	95.468.824.839	7.555.676,11	12.635,37	21,67
Kỳ 4/Tháng 1	95.651.177.114	7.557.151,70	12.657,04	1,15
Kỳ 5/Tháng 1	95.645.645.826	7.556.022,90	12.658,19	3,17
Kỳ cuối/Tháng 1	95.621.144.131	7.552.200,79	12.661,36	15,70
Kỳ 1/Tháng 2	95.739.749.838	7.552.200,79	12.677,06	23,37
Kỳ 2/Tháng 2	95.916.238.334	7.552.200,79	12.700,43	55,48
Kỳ 3/Tháng 2	96.335.219.859	7.552.200,79	12.755,91	39,74
Kỳ 4/Tháng 2	96.609.785.465	7.550.200,79	12.795,65	9,25
Kỳ cuối/Tháng 2	96.654.022.945	7.548.200,79	12.804,90	(31,64)
Kỳ 1/Tháng 3	96.415.166.326	7.548.200,79	12.773,26	7,95
Kỳ 2/Tháng 3	96.624.700.717	7.559.898,45	12.781,21	75,52
Kỳ 3/Tháng 3	97.163.453.469	7.557.398,45	12.856,73	(74,76)
Kỳ 4/Tháng 3	96.564.591.461	7.554.744,95	12.781,97	35,56
Kỳ cuối/Tháng 3	96.745.474.873	7.547.900,48	12.817,53	7,19
Kỳ 1/Tháng 4	96.325.253.634	7.510.900,48	12.824,72	8,81
Kỳ 2/Tháng 4	95.644.294.086	7.452.684,65	12.833,53	15,58
Kỳ 3/Tháng 4	95.670.434.795	7.445.684,65	12.849,11	23,57
Kỳ 4/Tháng 4	95.807.351.413	7.442.684,65	12.872,68	4,40
Kỳ cuối/Tháng 4	95.685.522.185	7.430.684,65	12.877,08	16,57
Kỳ 1/Tháng 5	95.808.700.143	7.430.684,65	12.893,65	35,95
Kỳ 2/Tháng 5	97.749.524.852	7.560.133,57	12.929,60	53,40
Kỳ 3/Tháng 5	98.542.038.850	7.590.080,50	12.983,00	20,26
Kỳ 4/Tháng 5	98.656.797.486	7.587.080,50	13.003,26	8,67
Kỳ cuối/Tháng 5	98.776.495.043	7.591.222,57	13.011,93	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Kỳ tính NAV	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016			Tăng/(Giảm) NAV/1CCQ
	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 6	98.808.103.149	7.591.222,57	13.016,09	4,16
Kỳ 2/Tháng 6	98.998.290.797	7.588.222,57	13.046,30	30,21
Kỳ 3/Tháng 6	99.159.160.874	7.585.222,57	13.072,67	26,37
Kỳ 4/Tháng 6	99.701.784.855	7.608.314,60	13.104,31	31,64
Kỳ cuối/Tháng 6	99.789.098.733	7.628.449,70	13.081,17	(23,14)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 96.953.817.954

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất 75,52

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất 1,15

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

	Giá trị sổ sách	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến một (1) năm	21.629.596,13	7.394.447,29

18. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

18.1 Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động

Stt	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,89	0,90
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,22	0,39
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,12	0,24
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,05	0,08
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,07	0,12
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (*)	1,40	1,80
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/(2 * Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ) (%)	250,80	368,34

(*) Chi phí hoạt động không bao gồm chi phí môi giới

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

18. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

18.2 Các chỉ tiêu khác

Stt	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
1	Quy mô quỹ đầu kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (theo mệnh giá) (VND)	73.944.472.900	75.556.761.100
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	7.394.447,29	7.555.676,11
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ	16.842.134,08	270.237,62
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	168.421.340.800	2.702.376.200
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ	(2.606.985,24)	(197.464,03)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(26.069.852.400)	(1.974.640.300)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (theo mệnh giá) (VND)	216.295.961.300	76.284.497.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	21.629.596,13	7.628.449,70
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	65,53%	27,34%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	87,76%	99,22%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	65,58%	93,28%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	109	39
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	14.821,76	13.081,17

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

19.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ và chứng chỉ tiền gửi. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý do Quý nắm giữ chủ yếu các giấy tờ có giá của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là Trái phiếu Chính phủ có rủi ro thấp và Quý đầu tư vào trái phiếu chính phủ và chứng chỉ tiền gửi có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro về giá trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu Chính phủ niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Ủy ban đầu tư của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quý là 160.680.500.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 16.068.050.000 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng lên khoảng 16.068.050.000 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quỹ cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

19.3 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư này là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

19.4 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền				
- Tiền gửi ngân hàng	25.837.921.082	25.837.921.082	823.833.444	823.833.444
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	29.500.000.000	29.500.000.000	74.700.000.000	74.700.000.000
Các khoản đầu tư				
- Trái phiếu chính phủ	160.680.500.000	160.680.500.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi	102.168.069.563	102.168.069.563	26.000.000.000	26.000.000.000
Các khoản phải thu	5.982.951.330	5.982.951.330	971.947.221	971.947.221
Tổng cộng	324.169.441.975	324.169.441.975	102.495.780.665	102.495.780.665
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	418.520.349	418.520.349	3.516.000	3.516.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	306.220.770	306.220.770	186.198.280	186.198.280
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	2.590.050.000	2.590.050.000	-	-
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	102.772.217	102.772.217	-	-
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	122.639.509	122.639.509	102.780.100	102.780.100
Tổng cộng	3.540.202.845	3.540.202.845	292.494.380	292.494.380

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chính phủ đã niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 3.2*.
- Giá trị hợp lý của chứng chỉ tiền gửi được tính bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tới ngày trước ngày định giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

21.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý quỹ. Phí quản lý được tính hàng tháng bằng 0,9% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ cho kỳ kế toán.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Phí quản lý Quỹ	791.537.757	434.017.981

b) Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	57.963.021	58.475.407

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là một lần/tuần và tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày).

Ngoài ra, Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam cũng là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam khoản phí quản trị quỹ là 0,03% (tối thiểu là 10.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là một lần/tuần và tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng nếu tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày).

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
	<i>Ngân hàng Standard Chartered VND</i>	<i>Ngân hàng Standard Chartered VND</i>
Phí dịch vụ giám sát	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	90.000.000	90.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	66.000.000	66.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	39.600.000	51.218.877
Phí ngân hàng	15.774.000	8.652.600
Phí giao dịch	1.300.000	900.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

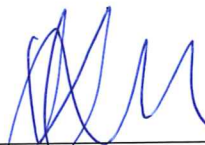
B06g-QM

22. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ .



Bà Vương Thị Trâm Anh
Kế toán Quỹ



Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính



Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

